

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2026

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Bẩy

Bà Vũ Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5
- Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 340/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1985; căn cước công dân số 024185015850; địa chỉ: tổ dân phố 3 (nay là TDP N), phường S, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn B, xã Sa Lý, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Leo Văn Đ, sinh ngày 17 tháng 04 năm 1984; căn cước công dân số 024004019845; địa chỉ: tổ dân phố 3 (nay là TDP N), phường S, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 29/05/2026 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Leo Văn Đ kết hôn trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu và cùng nhau đi đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2006 tại UBND xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường S, tỉnh Bắc Ninh). Anh chị có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc và sinh được 03 người con chung. Năm 2022 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ngày càng không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Leo Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Leo Văn Đ sinh được 03 con là Leo Trung K, sinh ngày 02/8/2007; Leo Mạnh C, sinh ngày 06/10/2009 và Leo Thị Y, sinh ngày 22/05/2014. Cháu Leo Trung K đã trên 18 tuổi, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đi làm, tự lo được cho bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với các con Leo Mạnh C và Leo Thị Y, sau khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Trường hợp anh Leo Văn Đ không nuôi con thì chị sẽ nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh Đ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/7/2026 và các lời khai tiếp theo, bị đơn anh Leo Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị T được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và cùng nhau đi đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2006, tại UBND xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (nay UBND phường S, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới chị T về nhà anh làm dâu và sống chung cùng anh ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xấu nhau, có lần anh đã tát vào mặt chị. Năm 2023 chị T đi lao động tại Đài Loan (anh không biết địa chỉ cụ thể), từ đó không về, vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị Trịnh Thị T xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Trịnh Thị T sinh được 03 con là Leo Trung K, sinh ngày 02/8/2007; Leo Mạnh C, sinh ngày 06/10/2009 và Leo Thị Y, sinh ngày 22/5/2014. Cháu K đã trưởng thành đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự lo cho bản thân. Các cháu Leo Mạnh C và Leo Thị Y, đang ở với anh. Sau ly hôn anh có nguyện vọng tiếp tục được trông nom, nuôi dưỡng giáo dục các cháu. Anh làm nghề tự do, thu nhập khoảng từ 10 đến 12 triệu/01 tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại các biên bản ghi lời khai của các cháu Leo Mạnh C và Leo Thị Y. Cháu C và cháu Anh đều có nguyện vọng ở với mẹ (Trịnh Thị T).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trịnh Thị T ly hôn anh Leo Văn Đ. Về con chung, đối với cháu Leo Trung K, sinh năm 2007 đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét giải quyết; các Leo Mạnh C và Leo Thị Y tiếp tục giao cho anh Leo Văn Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản và công nợ chung, không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trịnh Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung với anh Leo Văn Đ. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Leo Văn Đ đăng ký thường trú tại tổ dân phố 3 (nay là TDP N), phường S, tỉnh Bắc Ninh. Nguyên đơn chị Trịnh Thị T hiện tại đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc). Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T và anh Leo Văn Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2006 tại UBND xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (nay UBND phường S, tỉnh Bắc Ninh). Do đó đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng về chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị T và anh Đ sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng chị T và anh Đ đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định nêu trên. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định tình trạng hôn nhân của chị T, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần cho chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Leo Văn Đ.

[5] Về con chung: Chị Trịnh Thị T và anh Leo Văn Đ sinh được 03 con là Leo Trung K, sinh năm 2007; Leo Mạnh C, sinh ngày 06/10/2009 và Leo Thị Y, sinh ngày 22/5/2014. Cháu K đã trưởng thành, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Các cháu Leo Mạnh C và Leo Thị Y hiện anh Đ đang trông nom, nuôi dưỡng. Tại biên bản lấy lời khai, các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại chị T đang ở nước ngoài, các cháu đang ở

với anh Đ nên cần giao cho anh ông tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Sau này có thể thay đổi tình trạng nuôi con sau khi ly hôn, nếu đương sự có yêu cầu. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, chị Trịnh Thị T có quyền được thăm nom các con, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 123 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 280, 469 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án;
- Điều 4 và 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;
- Điều 6 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị T ly hôn anh Leo Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Leo Văn Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Leo Mạnh C, sinh ngày 06/10/2009 và Leo Thị Y, sinh ngày 22/5/2014 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Sau khi ly hôn chị Trịnh Thị T có quyền thăm nom các con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006292 ngày 29 tháng 6 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Bắc Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trịnh Thị T hiện đang cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Leo Văn Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 - Bắc Ninh;
- UBND phường S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân